

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 22/2018/HS-ST
Ngày: 15 - 5 - 2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Đức;

Bà Đỗ Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Không Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2018/TLST - HS ngày 13 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST - HS ngày 02 tháng 5 năm 2018, đối với các bị cáo

1. Ngô Gia T, sinh năm 1969; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 06/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Gia G (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Đinh Thị T và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 28/01/2018 đến ngày 05/02/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”.

2. Ngô Duy H, sinh ngày 09/9/1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Xuân H và bà Đinh Thị B; có vợ là Phạm Thị L và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/01/2017, bị Công an huyện Xuân Trường, xử lý vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 28/01/2018 đến ngày 05/02/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”.

3. Phạm Văn L, sinh năm 1969; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Hoàng Thị N (đều đã chết); có vợ là Phạm Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1992; tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 28/01/2018 đến ngày 05/02/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”.

4. Ngô Văn T, sinh năm 1971; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 08/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Gia T và bà Trần Thị T; có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 28/01/2018 đến ngày 05/02/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”.

5. Ngô Văn M, sinh ngày 18/7/1967; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn T và bà Trần Thị T; có vợ là Ngô Thị N và 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 1999; tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 28/01/2018 đến ngày 05/02/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”.

6. Cao Văn H, sinh năm 1959; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 05/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn T và bà Ngô Thị N; có vợ là Nguyễn Thị V và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1985, con nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 28/01/2018 đến ngày 05/02/2018 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”.

- *Người chứng kiến*: Ông Cao Văn L, sinh năm 1962; nơi cư trú: xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 27/01/2018, sau khi giúp đám cưới gia đình bà Cao Thị H, sinh năm 1967, tại xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Ngô Gia T, Ngô Duy H, Phạm Văn L, Ngô Văn T, Ngô Văn M, Cao Văn H rủ nhau sang

sân từ đường họ Trần ở giáp nhà bà H uống nước. Tới nơi, thấy sân sáng rõ do ánh đèn từ đám cưới chiếu sang, trên sân từ đường chiếu trái sân, trên chiếu có 01 bát, 01 đĩa sứ màu trắng và 04 quân vị cắt bằng vỏ bao thuốc lá Thăng Long một mặt màu vàng, một mặt màu trắng, cả nhóm rủ nhau cùng chơi xóc đĩa ăn tiền. Cách thức chơi như sau: Cả nhóm cử một người cầm cái xóc đĩa, những người còn lại đặt tiền vào cửa chẵn hoặc cửa lẻ. Người cầm cái cho 04 quân vị vào trong lòng đĩa rồi úp bát lên và xóc, khi mở cửa ra có 02 quân hoặc 04 quân cùng màu thì cửa chẵn thắng, cửa lẻ thua, còn nếu 01 quân khác màu 03 quân còn lại thì cửa lẻ thắng, cửa chẵn thua, người cầm cái thu tiền của cửa thua trả cho cửa thắng bằng với số tiền mà người đó đặt cửa. Cả nhóm thống nhất đặt cửa thấp nhất 50.000đ, cao nhất 200.000đ, do Ngô Gia T cầm cái. Bắt đầu chơi, T bỏ ra 2.300.000đ, H bỏ ra 1.150.000đ, L bỏ ra 1.200.000đ, T bỏ ra 1.050.000đ; M bỏ ra 910.000đ, còn H bỏ ra 900.000đ để đánh bạc. Cả nhóm đánh xóc đĩa ăn tiền đến 23 giờ 15 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác Công an huyện X phát hiện bắt quả tang. Tổ công tác đã mời người chứng kiến việc lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ trên chiếu; Tổng số tiền 7.510.000đ và 01 bộ bát, đĩa sứ, 04 quân vị các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc.

Số tiền để đánh bạc các đối tượng khai nhận như sau:

Ngô Gia T bỏ ra 2.300.000đ để đánh bạc, khi bị bắt thắng 2.500.000đ, bị thu giữ tổng số tiền 4.800.000đ.

Ngô Duy H bỏ ra số tiền 1.150.000đ để đánh bạc, khi bị bắt thắng 250.000đ, bị thu giữ tổng số tiền là 1.400.000đ.

Phạm Văn L bỏ ra số tiền 1.200.000đ để đánh bạc, khi bị bắt thua 500.000đ, bị thu giữ tổng số tiền là 700.000đ.

Ngô Văn T bỏ ra số tiền 1.050.000đ để đánh bạc, khi bị bắt thua 850.000đ, bị thu giữ tổng số tiền là 200.000đ.

Ngô Văn M bỏ ra số tiền 910.000đ để đánh bạc, khi bị bắt thua 700.000đ, bị thu giữ tổng số tiền là 210.000đ.

Cao Văn H bỏ ra số tiền 900.000đ để đánh bạc, khi bị bắt thua 700.000đ, bị thu giữ tổng số tiền là 200.000đ.

Bản cáo trạng số 19/CT - VKSXT ngày 12/04/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố các bị cáo Ngô Gia T, Ngô Duy H, Phạm Văn L, Ngô Văn T, Ngô Văn M, Cao Văn H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, cũng như phân tích về hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Ngô Gia T, Ngô Duy H, Phạm Văn L, Ngô Văn T, Ngô Văn M, Cao Văn H phạm tội “Đánh bạc”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô Duy H. Xử phạt bị cáo Ngô Duy H từ 6 đến 9 tháng tù và được khấu trừ vào thời

gian bị cáo đã bị tạm giữ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 17 Bộ luật Hình sự đối với Ngô Gia T. Xử phạt bị cáo Ngô Gia T từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 17 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn L. Xử phạt bị cáo Phạm Văn L từ 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 17 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô Văn T. Xử phạt bị cáo Ngô Văn T từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 17 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô Văn M. Xử phạt bị cáo Ngô Văn M từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 17 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Cao Văn H. Xử phạt bị cáo Cao Văn H từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ. Hoàn cảnh kinh tế gia đình của các bị cáo T, L, T, M, H khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo L, T, M, H. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Ngô Duy H từ 10.000.000đ đến 13.000.000đ để sung ngân sách Nhà nước, vì trước đó bị cáo H đã bị Công an huyện X xử phạt vi phạm hành chính cũng về hành vi đánh bạc. Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng.

Các bị cáo nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không tranh luận gì, trong lời nói sau cùng các bị cáo hứa sửa chữa lỗi lầm và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Quá trình điều tra, các bị cáo không khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng, tại phiên tòa các bị cáo cũng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại biên bản bắt người phạm tội quả tang và những lời khai khác của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, vật chứng đã thu giữ được, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở

kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 27/01/2018, tại xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định, Ngô Gia T, Ngô Duy H, Phạm Văn L, Ngô Văn T, Ngô Văn M, Cao Văn H có hành vi đánh bạc trái phép với tổng số tiền là 7.510.000đ (Bảy triệu năm trăm mười ngàn đồng) thì bị phát hiện bắt quả tang. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành và phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố các bị cáo theo tội danh, điều luật như trên là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, gây bất bình cho quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có năng lực hành vi nhận thức được việc của mình làm, nguy hiểm hơn tệ nạn cờ bạc đang là vấn đề nhức nhối của toàn xã hội, bao gia đình tan nát cửa nhà, vợ chồng ly hôn, đánh chém, giết nhau cũng chỉ vì cờ bạc. Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

[4] Các bị cáo cùng rủ nhau đánh bạc, đây là vụ án đồng phạm giản đơn theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Trong đó bị cáo T là người giữ vai trò đầu vụ, bởi lẽ; T là người cầm cái từ lúc bắt đầu chơi cho đến khi bị bắt nên phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Đối với các bị cáo H, L, T, M, H cùng tham gia và giữ vai trò sau nên chịu mức án thấp hơn bị cáo T. Tuy nhiên, đối với bị cáo H trước đó đã bị Công an huyện X xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc nên phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo T, L, M, H.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, riêng đối với bị cáo H không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên các bị cáo T, L, T, M, H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo T có bố được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định về thành tích tham gia kháng chiến chống Pháp và có anh trai là Liệt sĩ, bị cáo T có bố được tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ nên hai bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo T, L, T, M, H có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trước khi phạm tội các bị cáo chấp hành tốt đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo T, L, T, M, H ra khỏi xã hội mà cho bị cáo T được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, các bị cáo L, T, M, H phạt cải tạo không giam giữ là đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã

hội và răn đe phòng ngừa chung. Đối với bị cáo H cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục, bởi lẽ, bị cáo mới bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, bị cáo không lấy đó để làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo đều khó khăn nhưng để bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật nên cần phạt bổ sung đối với bị cáo Ngô Gia T và bị cáo Ngô Duy H mỗi bị cáo 10.000.000đ là phù hợp, bởi lẽ bị cáo T là người giữ vai trò đầu, bị cáo H trước lần phạm tội lần này đã có hành vi vi phạm pháp luật và bị xử phạt hành chính (phạt tiền). Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo L, T, M, H.

[8] Về xử lý vật chứng: Một bát sù, một đĩa sù và 04 quân vị, khi Cơ quan điều tra đã tiến hành đấu tranh, xác minh nhưng các bị cáo đều khai nhận khi sang từ đường đã có sẵn những công cụ này nên không xác định được ai là người chủ sở hữu. Do vậy, một đĩa sù, một bát sù và 04 quân vị là công cụ các bị cáo dùng để chơi đánh bạc, không có giá trị nên tịch thu cho tiêu hủy; Số tiền 7.510.000đ mà các bị cáo dùng để chơi đánh bạc tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo T, H, L, T, M, H bị kết tội nên phải nộp án phí hình sự.

[10] Về người quản lý từ đường họ Trần là ông Trần Công L, sinh năm 1953; nơi cư trú: xóm B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Quá trình điều tra các bị cáo đều khai không gặp gỡ, không xin phép, không trả tiền cho chủ quản lý để đánh bạc, ông L cũng khai đã khóa cửa từ đường từ tối, không biết có việc đánh bạc, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X nhắc nhở rút kinh nghiệm đối với ông L là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô Gia T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô Duy H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn L, Ngô Văn M, Cao Văn H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô Văn T.

Tuyên bố các bị cáo Ngô Gia T, Ngô Duy H, Phạm Văn L, Ngô Văn T, Ngô Văn M, Cao Văn H phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Ngô Gia T 9 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Ngô Duy H 6 (sáu) tháng tù, được khấu trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ 09 ngày. Bị cáo H còn phải chấp hành là 5 tháng 21 ngày tù. Thời hạn tù tính ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 18 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ 09 ngày thành 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo L còn phải chấp hành là 17 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ 09 ngày thành 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo T còn phải chấp hành là 17 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn M 18 (mười) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ 09 ngày thành 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo M còn phải chấp hành là 17 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Cao Văn H 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ 09 ngày thành 27 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo H còn phải chấp hành là 17 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

3. Giao bị cáo Ngô Gia T cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp bị cáo Ngô Gia T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

4. Giao các bị cáo Phạm Văn L, Ngô Văn T, Ngô Văn M, Cao Văn H cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định quản lý, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

5. Hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Ngô Gia T và bị cáo Ngô Duy H mỗi bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn L, Ngô Văn T, Ngô Văn M, Cao Văn H, miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

6. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 7.510.000đ của các bị cáo do phạm tội mà có; Tịch thu cho tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quần vớ.

Những vật chứng trên được miêu tả cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 33/CCTHA lập ngày 16/4/2018 và biên lai thu tiền số AA/2012

- 06053 cùng ngày giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X và Chi cục Thi hành án dân sự huyện X.

7. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Ngô Gia T, Ngô Duy H, Phạm Văn L, Ngô Văn T, Ngô Văn M, Cao Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

8. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện X;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Công an huyện X;
- Sở tư pháp tỉnh Nam Định;
- TAND tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã X;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Kim An

Phạm Duy Chính

Phạm Ngọc Long